|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN  THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO -**  **SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-GDĐT-VHTT | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 8 năm 2018* |

**BÁO CÁO**

**Công tác thể thao học đường năm học 2017-2018**

**và định hướng một số nội dung trọng tâm giai đoạn 2018-2020**

**–––––**

* Căn cứ Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và Thể thao trường học giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025;
* Căn cứ Chương trình phối hợp liên tịch số 3253/CTr-GDĐT-VHTT ngày 26 tháng 9 năm 2016 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Văn hóa và Thể thao về công tác giáo dục thể chất và thể thao học đường giai đoạn 2016 - 2020;
* Căn cứ Văn bản số 5481/LT-VHTT&GDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa Sở Văn hoá và Thể thao và Sở Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ Giải thể thao học sinh thành phố Hồ Chí Minh năm học 2017-2018;

Trong năm học 2017 - 2018, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao, các đơn vị, phòng ban chức năng liên quan tổ chức tổ chức các hoạt động Thể thao trường học, kết quả cụ thể  như sau:

**PHẦN 1**

**CÔNG TÁC THỂ THAO HỌC ĐƯỜNG**

1. **Hoạt động thể thao ngoại khoá**

Trong hoạt động thể thao ngoại khoá, các môn thể thao tự chọn trong học đường ngày càng đa dạng và phong phú; số lượng học sinh tham dự càng đông đã tạo điều kiện cho các trường thực hiện chương trình giáo dục thể chất đạt hiệu quả cao.

Các môn thể thao tự chọn ngày càng phong phú, đa dạng như: Bóng đá, Bóng rổ, Bơi, Cầu lông, Võ thuật… Nổi trội, ở môn Bóng đá, Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Văn hoá và Thể thao đã thông qua Đề án Bóng đá học đường dành cho các học sinh khối tiểu học giai đoạn 2014 – 2018, thuận chủ trương cho phép Liên đoàn Bóng đá Thành phố phối hợp với các trường học, đơn vị, ban ngành có liên quan triển khai thực hiện chương trình này, đồng thời, tiếp tục hoàn chỉnh kế hoạch bóng đá học đường dành cho các học sinh khối tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2018 – 2020.

Các câu lạc bộ thể thao trong trường học được thành lập ngày càng nhiều và hoạt động hiệu quả, gồm các môn: bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bơi lội, vovinam, taekwondo, karatedo, thể dục, judo ….; nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của hội phụ huynh học sinh, bên cạnh đó, còn sự đồng hành của các liên đoàn thể thao và các tổ chức xã hội khác, góp phần nâng cao chất lượng công tác giáo dục thể chất cho học sinh.

1. **Công tác phổ cập bơi**

* Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác phổ cập bơi cho học sinh, 02 Sở đã có văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đến các phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông và Trung tâm Văn hóa – Thể thao, Trung tâm Thể dục Thể thao 24 quận - huyện.
* Các phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các Trung tâm Văn hóa – Thể thao, Trung tâm Thể dục Thể thao (TDTT) tổ chức phổ cập bơi trong năm học vừa qua, đưa tiết học bơi vào giảng dạy trong giờ chính khóa và các chương trình ngoại khóa, đồng thời cấp thẻ chứng nhận phổ cập bơi cho các học sinh đạt yêu cầu.
* Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phổ cập bơi lội trong các trường phổ thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.
* Xây dựng kế hoạch liên tịch giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Liên đoàn Thể thao dưới nước về đẩy mạnh và nâng cao phong trào bơi lội học đường giai đoạn 2016 - 2020.
* Hàng năm phối hợp với Sở Văn hoá và Thể thao tổ chức các giải bơi học sinh, Fesstival bơi lội …, qua đó thúc đẩy phong trào ngày càng phát triển, góp phần thực hiện “xóa mù bơi” trong học sinh phổ thông các cấp.

1. **Hệ thống thi đấu giải thể thao học sinh (TTHS)**

Hệ thống giải Thể thao học sinh ngày càng được hoàn thiện về công tác tổ chức. Các giải thi đấu được tổ chức từ cấp cơ sở trường học đến cấp quận – huyện và chung kết cấp thành phố, qua đó tuyển chọn lực lượng tham dự thi đấu giải thể thao cấp toàn quốc.

* 1. ***Cấp trường học***

Các trường căn cứ vào kế hoạch và điều lệ giải thể thao học sinh của trung tâm Văn hóa – Thể thao, trung tâm TDTT và phòng Giáo dục - Đào tạo để tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của từng trường; trung bình mỗi trường đã tổ chức được từ 5 - 7 môn (theo hệ thống giải của quận – huyện), chủ yếu tập trung vào các môn như: bóng rổ, bóng ném, điền kinh, bóng bàn, bóng đá, bơi lội và các môn võ thuật …

Qua tổ chức gỉải thể thao học sinh cấp cơ sở trường học ở 24 quận-huyện, có 452.480 học sinh tham gia trên số lượng 1.243.969 học sinh toàn thành, trong đó:

* Tiểu học: 489 trường, 602.877 học sinh.
* Trung học cơ sở: 271 trường, 413.270 học sinh.
* Trung học phổ thông: 120 trường, 208.894 học sinh..
* Trung tâm Giáo dục thường xuyên: 29 trường, 18.928 học sinh.
  1. ***Cấp quận – huyện***

Tùy theo đặc thù và thế mạnh của quận – huyện, các trung tâm Văn hóa Thể thao, trung tâm TDTT căn cứ vào Điều lệ Thể thao học sinh cấp thành phố để xây dựng kế hoạch và điều lệ cụ thể cho đơn vị mình. Đây được xem như là vòng tuyển chọn lực lượng, bổ sung cho đội tuyển thể thao ở tất cả 24 quận - huyện, nên mỗi đơn vị đều đã xây dựng kế hoạch và thi đấu với chất lượng chuyên môn cao nhất, đạt tỷ lệ 100% đơn vị tổ chức.

Thể thao học sinh cấp quận - huyện năm học 2017 – 2018 đã thu hút 78.822 lượt học sinh tham dự. Số lượng VĐV tham gia phần lớn ở các môn: Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Điền kinh, Taekwondo, Vovinam, Karatedo, Cầu lông, Cờ, Kéo co…; Bình quân các quận - huyện tổ chức từ 12 đến 17 môn theo quy định.

* 1. ***Cấp Thành phố***
* Giải thi đấu cấp Thành phố năm học 2017 – 2018 đã tổ chức được 28/29 môn thể thao (môn cử tạ không tổ chức do không đủ số lượng đơn vị tham dự), được chia thành hai giai đoạn: Học kỳ I từ cuối tháng 9/2017 đến hết tháng 12/2017, Học kỳ II từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2018, thu hút 14.325 lượt học sinh tham gia, có 7.275 em đạt thành tích.
* Thông qua các giải thi đấu, có cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động thể thao học đường, đồng thời, tuyển chọn và bổ sung lực lượng học sinh vào đội tuyển Thành phố tham dự các giải cấp toàn quốc, khu vực và thế giới.
  1. ***Tham dự giải cấp toàn quốc***

Trong năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức 6 giải thi đấu thể thao dành cho học sinh các cấp, Sở Văn hoá và Thể thao phối hợp với Sở Giào dục và Đào tạo đã thành lập đoàn thể thao tham dự, kết quả cụ thể như sau:

* Giải Taekwondo: 96 vận động viên (VĐV) tham dự, đạt hạng I toàn đoàn với 32 HCV, 22 HCB, 9 HCĐ.
* Giải Bóng đá: Đội Tiểu học đạt hạng II và đội THCS đạt hạng III vòng khu vực.
* Giải Điền Kinh: 29 VĐV tham dự, đạt hạng I toàn đoàn với 7 HCV, 14 HCB, 20 HCĐ.
* Giải Vovinam: 40 VĐV tham dự, đạt hạng I toàn đoàn với 25 HCV, 9 HCB, 7 HCĐ.
* Giải Bơi: 35 VĐV tham dự đạt hạng I toàn đoàn với 52HCV, 8HCB, 10HCĐ.
* Giải Võ cổ truyền: 33 VĐV tham dự, tổ chức từ ngày 08-14/8/2018, đây cũng là môn võ có ưu thế trong hoạt động thể thao học sinh thành phố.
  1. ***Kết quả đánh giá, xếp hạng thi đua***

Căn cứ theo Điều lệ TTHS Thành phố năm học 2017 – 2018, qua công tác tổ chức Giải Thể thao học sinh cấp thành phố, trên cơ sở tổng hợp kết quả thi đấu của các đơn vị tham dự, kết quả xếp hạng được chia theo các khối (đính kèm phụ lục 01).

1. **Hiện trạng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thể thao**

(đính kèm phụ lục 2)

1. **Đánh giá chung**
   1. ***Thuận lợi***

* Công tác thể thao học đường và giải thể thao học sinh luôn nhận được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước cũng như trách nhiệm của toàn xã hội. Đặc biệt, trong nhiều năm qua, ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Văn hoá và Thể thao đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo, quản lý một cách toàn diện, góp phần thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của công tác TDTT trong trường học trên địa bàn thành phố.
* Công tác thể thao học đường và giải thể thao học sinh những năm qua cũng đã được Ban Giám Hiệu các trường quan tâm, đầu tư, từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tại đơn vị.
* Cùng với sự gia tăng về số lượng cũng như chất lượng đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên TDTT, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong các nhà trường cũng không ngừng phát triển; bên cạnh đó, ngành TDTT cũng đã phát huy tối đa cơ sở vật chất của ngành cùng với hoạt động của các CLB TDTT tư nhân … góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục thể chất và thể thao học đường.
* Duy trì thường xuyên hệ thống giải thể thao học sinh, đã thu hút sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của đông đảo học sinh; qua đó, phát hiện các em có năng khiếu, bổ sung vào đội tuyển học sinh thành phố tham dự các giải chuyên ngành, tiến tới tham dự Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc; chất lượng của đội ngũ giáo viên, huấn luyện viên ngày càng được nâng cao, nhất là trong công tác tổ chức, điều hành các giải thi đấu.
  1. ***Khó khăn***
* Số lượng môn tổ chức giải thể thao học sinh quá nhiều cần tinh giảm lại và lưu ý những môn phù hợp với đối tượng học sinh. Đối tượng dự thi có VĐV năng khiếu trong tuyến đào tạo năng khiếu thành phố (Hệ nâng cao) tham dự cùng học sinh các trường (Hệ Phong trào) dẫn đến một số bất cập.
* Cần sự hỗ trợ của nhà trường trong việc khám sức cho học sinh tham dự các giải thể thao học sinh theo đúng điều lệ.
* Xây dựng triển khai kế hoạch giải thể thao học sinh cần nêu rõ trách nhiệm của Phòng GD&ĐT và Trung tâm TDTT-VHTT.
* Cần quan tâm khen thưởng và tuyên dương các em học sinh đạt thành tích cao cấp toàn quốc và quốc tế.
* Thành tích giải thể thao học sinh thành phố hằng năm cần được đưa vào tính thi đua cho các đơn vị Phòng GD&ĐT, các trường THPT trong hệ thống thi đua của Ngành GD&ĐT
* Thời gian dành cho học văn hóa quá nhiều vì vậy chưa nhận được sự quan, hỗ trợ của các đơn vị trường học trong công tác thể thao trường học về quỹ thời gian tập luyện, thi đấu.
* Sự phối hợp giữa Trung tâm TDTT – VHTT và các trường THPT trên địa bàn chưa cao, dẫn đến gặp khó khăn trong việc làm thủ tục cho học sinh tham dự các giải thể thao các cấp.
* Lực lượng giáo viên giáo dục thể chất và hướng dẫn viên trong trường học rất đông nhưng chưa phối hợp và phát huy được trong việc phát triển CLB thể thao trường học.
* Một số học sinh tài năng thể thao do Trung tâm TDTT – VHTT đào tạo khi đến tuổi chuyển cấp học không được giải quyết học tại trường trên địa bàn.
* Chưa có sự phối hợp về chuyên môn trong việc xây dựng một số phòng chức năng thể thao trong trường học dẫn đến việc không đúng chuẩn vì vậy không phát huy được hết công năng trong việc tập luyện và tổ chức giải. Có nhiều trường hợp chuyển qua xử dụng vào mục đích khác. Ví dụ: Phòng chức năng cho hoạt động thể thao sử dụng tổ chức thành phòng nghỉ bán trú cho học sinh; Trang bị phòng chức năng nhưng không có trang thiết bị tập luyện.
* Cơ sở vật chất dành cho thể thao từ cấp cơ sở đến cấp thành phố tuy được đầu tư, quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của hoạt động thể thao học đường, do đó, công tác tổ chức giải ở các cấp còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế nhất định.
* Chương trình phổ cập bơi, phòng chống đuối nước trong học sinh mặc dù đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, đơn vị có liên quan, tuy nhiên, công tác tuyên truyền, vận động của các Ban Giám Hiệu các trường, Hội phụ huynh học sinh để tạo điều kiện thu hút học sinh tham gia còn hạn chế, chưa rộng khắp các khối lớp.
* Nguồn kinh phí cho hoạt động thể thao trường học và tham dự giải thể thao học sinh vẫn chưa đáp ứng nhu cầu.

**PHẦN 2**

**ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2018-2020**

# Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và Thể thao trường học giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025; Chương trình hành động số 33-CTrHĐ/TU ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; và Chương trình phối hợp liên tịch số 3253/CTr-GDĐT-VHTT ngày 26 tháng 9 năm 2016 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Văn hóa và Thể thao về công tác giáo dục thể chất và thể thao học đường giai đoạn 2016 - 2020;

Với kết quả đạt được trong công tác thể thao học đường và giải thể thao học sinh trong những năm qua. Ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Văn hóa và Thể thao đề ra những nhiệm vụ giai đoạn 2018 – 2020 như sau:

1. Chuẩn bị lực lượng, tổ chức tập huấn và tham dự thi đấu các giải thể thao học sinh toàn quốc và quốc tế; trong đó tập trung Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc năm học 2019 – 2020, với mục tiêu bảo vệ vị trí nhất toàn đoàn đã đạt được nhiều kỳ vừa qua.
2. Đẩy mạnh và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giảng dạy các môn thể thao chính khóa, ngoại khóa; có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trường học có khả năng đăng cai tổ chức các giải thể thao mang tầm quốc gia và quốc tế. Đội ngũ giáo viên thường xuyên đào tạo, cập nhật, bổ sung và nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu công tác ngày càng cao.
3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, phòng chống đuối nước và xóa mù bơi của Trung ương; trong đó, cần chú trọng hoàn thiện chương trình dạy bơi cho các cấp học, phần đấu đến năm 2020, có 100% các trường đăng ký cụ thể lộ trình thực hiện, tiến tới đảm bảo 100% học sinh phổ thông biết bơi.
4. Hằng năm, thực hiện việc đánh giá hoạt động liên tịch giữa các Phòng Giáo dục – Đào tạo và các Trung tâm Văn hóa Thể thao, Trung tâm TDTT 24 quận – huyện về công tác giáo dục thể chất, thể thao học đường để có kế hoạch, lộ trình và bước đi thích hợp trong những năm tiếp theo. Tiếp tục phát triển thể dục thể thao ngoại khóa; xây dựng các loại hình câu lạc bộ TDTT trường học; khuyến khích học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa trong các câu lạc bộ, các lớp năng khiếu thể thao. Củng cố và phát triển hệ thống thi đấu thể dục thể thao thích hợp với từng cấp học.
5. Tháng 8 hằng năm, 2 Sở ban hành kế hoạch thể thao học đường và điều lệ thể thao học sinh (hoặc điều lệ Hội khỏe Phù Đổng) để các đơn vị có cơ sở để triển khai tổ chức và thực hiện; đồng thời, đưa vào hệ thống đánh giá chỉ tiêu thi đua công tác thể thao học đường, tổ chức và tham dự giải thể thao học sinh đối với các phòng Giáo dục – Đào tạo, các trường trung học phổ thông và Trung tâm Văn hóa Thể thao, Trung tâm TDTT.
6. Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện việc thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg và chương trình phối hợp liên tịch số 3253/CTr-GDĐT-VHTT qua đó điều chỉnh, bổ sung Đề án tổng thể phát triển Giáo dục thể chất và Thể thao trường học đến giai đoạn 2025 và ký kết liên tịch giữa 2 Ngành giai đoạn 2020 - 2024./.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

**GIÁM ĐỐC GIÁM ĐỐC**

**(Phụ lục 1)**

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG GIẢI THỂ THAO HỌC SINH THÀNH PHỐ NĂM HỌC 2017-2018**

**Khối Quận – Huyện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạng** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Quận 1 | 145 | 115 | 195 |
| 2 | Quận Tân Bình | 101 | 91 | 153 |
| 3 | Quận 11 | 82 | 38 | 60 |
| 4 | Quận 3 | 67 | 74 | 96 |
| 5 | Quận Bình Thạnh | 59 | 65 | 112 |
| 6 | Quận 4 | 58 | 72 | 98 |
| 7 | Quận 5 | 56 | 74 | 107 |
| 8 | Quận Gò Vấp | 52 | 55 | 116 |
| 9 | Quận 6 | 44 | 51 | 133 |
| 10 | Quận Phú Nhuận | 44 | 50 | 36 |
| 11 | Quận 8 | 34 | 33 | 46 |
| 12 | Quận 10 | 16 | 31 | 52 |
| 1 | Quận Tân Phú | 60 | 75 | 76 |
| 2 | Quận Thủ Đức | 42 | 32 | 67 |
| 3 | Quận Bình Tân | 28 | 36 | 76 |
| 4 | Quận 7 | 27 | 42 | 90 |
| 5 | Quận 9 | 23 | 28 | 63 |
| 6 | Quận 12 | 23 | 27 | 43 |
| 7 | Quận 2 | 20 | 15 | 49 |
| 1 | Huyện Bình Chánh | 30 | 27 | 38 |
| 2 | Huyện Cần Giờ | 16 | 16 | 18 |
| 3 | Huyện Củ Chi | 15 | 37 | 51 |
| 4 | Huyện Nhà Bè | 10 | 13 | 25 |
| 5 | Huyện Hóc Môn | 7 | 18 | 59 |

**Khối trường học:**

Căn cứ theo tổng số huy chương và chia theo khối quận – huyện, các đơn vị dưới đây đã đạt thành tích xuất sắc như sau: *(tên trường, huy chương vàng/bạc/đồng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các trường Tiểu học - khối Quận** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Khai Minh | Quận 1 | 41 | 10 | 22 |
| 2 | Phùng Hưng | Quận 11 | 26 | 0 | 2 |
| 3 | Phú Thọ | Quận 11 | 18 | 1 | 1 |
| 4 | Đinh Tiên Hoàng | Quận 1 | 17 | 7 | 19 |
| 5 | Bàu Sen | Quận 5 | 14 | 14 | 13 |
| 6 | Vĩnh Hội | Quận 4 | 13 | 2 | 3 |
| 7 | Võ Thị Sáu | Quận Gò Vấp | 12 | 9 | 1 |
| 8 | Thiên Hộ Dương | Quận 10 | 12 | 2 | 0 |
| 9 | Him lam | Quận 6 | 12 | 0 | 13 |
| 10 | Nguyễn Trung Ngạn | Quận 8 | 12 | 0 | 1 |
| 11 | Đuốc Sống | Quận 1 | 11 | 6 | 2 |
| 12 | Đặng Văn Ngữ | Quận Phú Nhuận | 11 | 1 | 2 |
| 13 | Nguyễn Đình Chiểu | Quận Bình Thạnh | 10 | 6 | 7 |
| 14 | Đoàn Thị Điểm | Quận 4 | 9 | 1 | 3 |
| 15 | Nguyễn Thái Bình | Quận 1 | 8 | 9 | 11 |
| **Các trường Tiểu học - khối Quận mới phát triển** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Phan Chu Trinh | Quận Tân Phú | 7 | 6 | 1 |
| 2 | Nguyễn Văn Nỡ | Quận Thủ Đức | 7 | 0 | 0 |
| 3 | Nguyễn Trung Trực | Quận Thủ Đức | 6 | 1 | 0 |
| 4 | Xuân Hiệp | Quận Thủ Đức | 6 | 0 | 0 |
| 5 | Lê Lai | Quận Tân Phú | 5 | 2 | 3 |
| **Các trường Tiểu học - khối Huyện** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Bình Khánh | Huyện Cần Giờ | 6 | 2 | 0 |
| 2 | Nguyễn Văn Trân | Huyện Bình Chánh | 6 | 0 | 8 |
| 3 | Lê Minh Xuân 3 | Huyện Bình Chánh | 2 | 0 | 6 |
| 4 | Thái Mỹ | Huyện Củ Chi | 2 | 0 | 0 |
| **Các trường Trung học cơ sở - khối Quận** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Trần Văn Ơn | Quận 1 | 39 | 45 | 45 |
| 2 | Lê Quý Đôn | Quận 3 | 34 | 37 | 37 |
| 3 | Phú Thọ | Quận 11 | 33 | 6 | 6 |
| 4 | Thực hành Sài Gòn | Quận 5 | 27 | 24 | 19 |
| 5 | Văn Lang | Quận 1 | 27 | 9 | 25 |
| 6 | Trần Đại Nghĩa | Quận 1 | 24 | 5 | 18 |
| 7 | Vân Đồn | Quận 4 | 22 | 11 | 36 |
| 8 | Ngô Tất Tố | Quận Phú Nhuận | 18 | 14 | 6 |
| 9 | Trường Chinh | Quận Tân Bình | 17 | 25 | 16 |
| **Các trường Trung học cơ sở- khối Quận mới phát triển** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Phạm Hữu Lầu | Quận 7 | 14 | 0 | 11 |
| 2 | Bình Trị Đông A | Quận Bình Tân | 14 | 0 | 0 |
| 3 | Bình Trị Đông | Quận Bình Tân | 13 | 28 | 18 |
| **Các trường Trung học cơ sở- khối Huyện** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Đa Phước | Huyện Bình Chánh | 20 | 2 | 1 |
| 2 | Phước Lộc | Huyện Nhà Bè | 12 | 1 | 0 |
| 3 | Tân Nhựt | Huyện Bình Chánh | 6 | 0 | 0 |
| 3 | Tân Túc | Huyện Bình Chánh | 6 | 0 | 0 |
| **Các trường Trung học phổ thông - khối Quận** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Giáo dục thường xuyên | Quận 1 | 41 | 4 | 10 |
| 2 | Nguyễn Thượng Hiền | Quận Tân Bình | 31 | 4 | 3 |
| 3 | Nguyễn Chí Thanh | Quận Tân Bình | 27 | 8 | 21 |
| 4 | Trần Quang Khải | Quận 11 | 25 | 7 | 16 |
| 5 | Nguyễn Thái Bình | Quận Tân Bình | 19 | 9 | 26 |
| 6 | Ernst Thamann | Quận 1 | 18 | 3 | 25 |
| **Các trường Trung học phổ thông - khối Quận mới phát triển** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Trần Phú | Quận Tân Phú | 12 | 28 | 12 |
| 2 | Giáo dục thường xuyên | Quận 9 | 7 | 1 | 2 |
| **Các trường Trung học phổ thông - khối Huyện** | | | | | |
| **Hạng** | **Tên** | **Đơn vị** | **Vàng** | **Bạc** | **Đồng** |
| 1 | Đa Phước | Huyện Bình Chánh | 3 | 8 | 11 |
| 2 | An Nghĩa | Huyện Cần Giờ | 2 | 4 | 5 |

*\** **Xếp hạng các trường Năng khiếu TDTT:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **ĐƠN VỊ** | **V** | **B** | **Đ** |
| 1. Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định | 201 | 142 | 132 |
| 2. Năng khiếu TDTT Thành phố | 75 | 22 | 7 |
| 3. TDTT Huyện Bình Chánh | 0 | 14 | 17 |

**(Phụ lục 2)**

**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT**

**DÀNH CHO CÁC CÔNG TRÌNH THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2777/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

**1. Cấp Thành phố:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên công trình | Hiện trạng  (m2) | 2015  (m2) | 2020  (m2) | 2025  (m2) | Ghi chú |
| Trung tâm thể thao dưới nước Yết Kiêu | 8.753 | 8.753 | 8.753 | 8.753 |  |
| Trung tâm TDTT Hoa Lư | 22.000 | 22.000 | 22.000 | 22.000 |  |
| Câu lạc bộ thể thao Trần Hưng Đạo | 2.374 | 2.374 | 0 | 0 |  |
| Khu liên hợp TDTT Rạch Chiếc (dự kiến) | 180 ha | 180 ha | 180 ha | 180 ha |  |
| Trung tâm TDTT Phan Đình Phùng | 15.465 | 15.465 | 15.465 | 15.465 |  |
| Sân vận động Thống Nhất | 36.540 | 36.540 | 36.540 | 36.540 |  |
| Trung tâm huấn luyện và thi đấu TP.HCM | 253.000 | 253.000 | 138.237 | 138.237 |  |
| Nhà thi đấu Phú Thọ | 47.759 | 47.759 | 47.759 | 47.759 |  |
| Nhà tập luyện Phú Thọ | 18.419 | 18.419 | 18.419 | 18.419 |  |
| CLB bơi lặn Phú Thọ | 14.000 | 14.000 | 14.000 | 14.000 |  |
| CLB quần vợt Phú Thọ | 18.894 | 18.894 | 18.894 | 18.894 |  |
| CLB thể thao Thanh Đa | 12.880 | 12.880 | 12.880 | 12.880 |  |
| Sân vận động (Lô 2-22) Khu đô thị mới Thủ Thiêm |  |  | 69.000 | 69.000 |  |
| Nhà thi đấu đa năng (Lô 2-28) Khu đô thị mới Thủ Thiêm |  |  | 26.000 | 26.000 |  |

**2. Cấp quận, huyện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm  Tên công trình | Hiện trạng  (m2) | 2015  (m2) | 2020  (m2) | 2025  (m2) | Ghi chú |
| Quận 1 | 29.424 | 29.424 | 29.424 | 29.424 |  |
| Nhà thi đấu Nguyễn Du | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 |  |
| CLB thể thao đa môn Nguyễn Du | 2.126 | 2.126 | 2.126 | 2.126 |  |
| CLB Tao Đàn | 14.394 | 14.394 | 14.394 | 14.394 |  |
| CLB bơi lội Nguyễn Bỉnh Khiêm | 2.904 | 2.904 | 2.904 | 2.904 |  |
| Quận 2 |  | 4.719 | 56.239 | 56.239 |  |
| Trung tâm TDTT Quận 2 | 980 | 980 | 0 | 0 |  |
| CLB bơi lội An Phú | 3.739 | 3.739 | 3.739 | 3.739 |  |
| Khu TDTT quận 2 |  |  | 30.000 | 30.000 |  |
| CLB TDTT Thảo Điền |  |  | 22.500 | 22.500 |  |
| Quận 3 | 9.340 | 9.340 | 9.340 | 9.340 |  |
| Trung tâm TDTT Hồ Xuân Hương | 4.896 | 4.896 | 4.896 | 4.896 |  |
| CLB 193/1C Nam Kỳ Khởi Nghĩa | 740 | 740 | 740 | 740 |  |
| Hồ bơi Kỳ Đồng | 3.704 | 3.704 | 3.704 | 3.704 |  |
| Quận 4 | 19.300 | 43.600 | 43.600 | 43.600 |  |
| Nhà thi đấu, tập luyện Vân Đồn | 10.800 | 10.800 | 10.800 | 10.800 |  |
| Hồ bơi Vân Đồn | 1.500 | 1.500 | 1.500 | 1.500 |  |
| Sân bóng đá Khánh Hội | 7.000 | 7.000 | 7.000 | 7.000 |  |
| Khu Thể thao Khu công viên Hồ Khánh Hội |  | 24.300 | 24.300 | 24.300 |  |
| Quận 5 | 8.879 | 8.879 | 17.737 | 17.737 |  |
| Trung tâm TDTT Quận (CLB Tinh Võ) | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 |  |
| CLB bơi lội Lam Sơn | 5.717 | 5.717 | 5.717 | 5.717 |  |
| CLB thể thao Lê Hồng Phong | 642 | 642 | 642 | 642 |  |
| CLB Lệ Chí | 520 | 520 | 520 | 520 |  |
| Công trình TDTT (Trường ĐH Sư phạm TDTT) |  |  | 8.858 | 8.858 |  |
| Quận 6 | 27.350 | 27.350 | 27.350 | 27.350 |  |
| Nhà thi đấu quận 6 | 4.500 | 4.500 | 4.500 | 4.500 |  |
| Sân bóng đá quận 6 | 19.500 | 19.500 | 19.500 | 19.500 |  |
| CLB đa môn Hương Bình | 895 | 895 | 895 | 895 |  |
| CLB bơi lội Phú Lâm | 2.455 | 2.455 | 2.455 | 2.455 |  |
| Quận 7 | 75.909 | 75.909 | 75.511 | 75.511 |  |
| Trung tâm TDTT quận 7 | 1.448 | 1.448 | 0 | 0 |  |
| Trung tâm TDTT quận 7 - cơ sở 2 | 9.012 | 9.012 | 9.012 | 9.012 |  |
| Sân vận động quận 7 | 32.449 | 32.449 | 32.449 | 32.449 |  |
| Quận 8 |  |  |  |  |  |
| Trung tâm TDTT quận 8 | 33.000 | 33.000 | 33.000 | 33.000 |  |
| Hồ bơi Quận 8 |  |  | 1.050 | 1.050 |  |
| Quận 9 | 65.242 | 65.242 | 65.242 | 65.242 |  |
| Trung tâm TDTT quận 9 | 45.242 | 45.242 | 45.242 | 45.242 |  |
| CLB bóng đá Phước Long A | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 |  |
| Sân vận động Long Phước | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 |  |
| Quận 10 | 18.918 | 18.918 | 27.613 | 27.613 |  |
| Nhà thi đấu và tập luyện Nguyễn Tri Phương | 2.505 | 2.505 | 3.200 | 3.200 |  |
| CLB Nguyễn Tri Phương | 2.516 | 2.516 | 2.516 | 2.516 |  |
| CLB bơi lặn Nguyễn Tri Phương | 6.897 | 6.897 | 6.897 | 6.897 |  |
| Sân vận động Kỳ Hòa | 7.000 | 7.000 | 7.000 | 7.000 |  |
| Sân Bi sắt (C30) |  |  | 8.000 | 8.000 |  |
| Quận 11 | 6.300 | 10.300 | 10.300 | 10.300 |  |
| Nhà thi đấu Lãnh Binh Thăng | 6.300 | 6.300 | 6.300 | 6.300 |  |
| Khu TDTT phường 3, quận 11 |  | 4.000 | 4.000 | 4.000 |  |
| Quận 12 | 24.970 | 24.970 | 77.970 | 77.970 |  |
| Trung tâm TDTT quận 12 | 6.190 | 6.190 | 6.190 | 6.190 |  |
| Sân bóng đá Cây Sộp 1 (ngoài công lập) | 9.100 | 9.100 | 9.100 | 9.100 |  |
| Sân bóng đá Cây Sộp 3 (ngoài công lập) | 9.680 | 9.680 | 9.680 | 9.680 |  |
| Nhà thi đấu quận (phường Hiệp Thành) |  |  | 53.000 | 53.000 |  |
| Quận Bình Tân | 39.070 | 39.070 | 39.070 | 39.070 |  |
| Trung tâm VH-TDTT quận Bình Tân | 3.280 | 3.280 | 3.280 | 3.280 |  |
| CLB thể thao quận Bình Tân | 24.790 | 24.790 | 24.790 | 24.790 |  |
| TT VH-TT liên phường Tân Tạo | 6.000 | 6.000 | 6.000 | 6.000 |  |
| TT VH-TT liên phường Bình Trị Đông | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 |  |
| TT –VH-TT liên phường Bình Hưng Hòa A | 2.000 | 2.000 | 2.000 | 2.000 |  |
| Quận Bình Thạnh | 70.799 | 70.799 | 70.799 | 70.799 |  |
| Trung tâm TDTT quận Bình Thạnh | 27.157 | 27.157 | 27.157 | 27.157 |  |
| Hồ bơi Đại Đồng | 3.142 | 3.142 | 3.142 | 3.142 |  |
| CLB quần vợt Gia Định | 7.500 | 7.500 | 7.500 | 7.500 |  |
| Khu TDTT 44 đường D3 (phường 25) | 29.000 | 29.000 | 29.000 | 29.000 |  |
| CLB Li Đô (290 Nơ Trang Long, P.12) | 4.000 | 4.000 | 4.000 | 4.000 |  |
| Quận Gò Vấp | 23.473 | 23.473 | 23.473 | 23.473 |  |
| Trung tâm TDTT quận Gò Vấp | 20.026 | 20.026 | 20.026 | 20.026 |  |
| Hồ bơi quận Gò Vấp | 3.447 | 3.447 | 3.447 | 3.447 |  |
| Quận Phú Nhuận | 41.705 | 41.705 | 36.276 | 36.276 |  |
| Trung tâm TDTT quận Phú Nhuận | 5.429 | 5.429 | 0 | 0 |  |
| Nhà thi đấu và hồ bơi Rạch Miễu | 17.000 | 17.000 | 17.000 | 17.000 |  |
| CLB TDTT Chi Lăng | 800 | 800 | 800 | 800 |  |
| CLB bóng đá Phú Nhuận | 16.000 | 16.000 | 16.000 | 16.000 |  |
| CLB TDTT học đường (phường 10) | 2.476 | 2.476 | 2.476 | 2.476 |  |
| Quận Tân Bình | 49.992 | 49.992 | 49.992 | 49.992 |  |
| Trung tâm VH-TDTT quận Tân Bình | 32.402 | 32.402 | 32.402 | 32.402 |  |
| CLB bơi lội Cộng Hòa | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 |  |
| CLB thể thao Bàu Cát | 10.951 | 10.951 | 10.951 | 10.951 |  |
| CLB thể thao 2 tháng 9 | 2.045 | 2.045 | 2.045 | 2.045 |  |
| CLB thể thao Lý Thường Kiệt | 1.594 | 1.594 | 1.594 | 1.594 |  |
| Quận Tân Phú | 12.296 | 12.296 | 66.596 | 66.596 |  |
| Trung tâm VH-TDTT quận Tân Phú | 1.379 | 1.379 | 1.379 | 1.379 |  |
| CLB thể thao Tây Thạnh | 10.917 | 10.917 | 10.917 | 10.917 |  |
| Khu TDTT Công viên Tân Thắng |  |  | 54.300 | 54.300 |  |
| Quận Thủ Đức | 55.531 | 55.531 | 127.531 | 127.531 |  |
| Trung tâm TDTT quận Thủ Đức | 11.000 | 11.000 | 11.000 | 11.000 |  |
| Trung tâm TDTT quận (phường Tam Phú) |  |  | 72.000 | 72.000 |  |
| Sân bóng đá Linh Xuân | 10.800 | 10.800 | 10.800 | 10.800 |  |
| Nhà VH-TT phường Bình Chiểu | 7.966 | 7.966 | 7.966 | 7.966 |  |
| Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Phước | 6.174 | 6.174 | 6.174 | 6.174 |  |
| Nhà VH-TT phường Hiệp Bình Chánh | 4.991 | 4.991 | 4.991 | 4.991 |  |
| Nhà VH-TT phường Linh Trung | 10.300 | 10.300 | 10.300 | 10.300 |  |
| Hồ bơi nhà thiếu nhi quận | 1.200 | 1.200 | 1.200 | 1.200 |  |
| Hồ bơi quốc tế | 600 | 600 | 600 | 600 |  |
| CLB Hiệp Bình Phước | 1.500 | 1.500 | 1.500 | 1.500 |  |
| Động Đình Hồ | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 1.000 |  |
| Huyện Bình Chánh | 181.811 | 181.811 | 181.811 | 181.811 |  |
| CLB VH-TDTT liên xã Hưng Long | 10.790 | 10.790 | 10.790 | 10.790 |  |
| CLB VH-TDTT liên xã Vĩnh Lộc A | 16.283 | 16.283 | 16.283 | 16.283 |  |
| Trung tâm VH-TDTT huyện | 31.238 | 31.238 | 31.238 | 31.238 |  |
| CLB bơi lặn Bình Chánh | 10.000 | 10.000 | 10.000 | 10.000 |  |
| Sân vận động Thành Long (ngoài công lập) | 113.500 | 113.500 | 113.500 | 113.500 |  |
| Huyện Cần Giờ | 56.670 | 56.670 | 56.670 | 56.670 |  |
| Trung tâm TDTT huyện Cần Giờ | 2.600 | 2.600 | 2.600 | 2.600 |  |
| Sân bóng đá xã Long Hòa | 10.656 | 10.656 | 10.656 | 10.656 |  |
| Nhà VH-TT xã Tam Thôn Hiệp | 10.214 | 10.214 | 10.214 | 10.214 |  |
| Sân bóng đá xã Thạnh An | 3.200 | 3.200 | 3.200 | 3.200 |  |
| Sân bóng đá xã Lý Nhơn | 30.000 | 30.000 | 30.000 | 30.000 |  |
| Huyện Củ Chi | 45.542 | 45.542 | 45.542 | 45.542 |  |
| Sân vận động huyện Củ Chi | 14.805 | 14.805 | 14.805 | 14.805 |  |
| Hồ bơi Ấp Hậu | 180 | 180 | 180 | 180 |  |
| TT VH-TT xã Tân Thông Hội (ấp Tân Tiến) | 11.000 | 11.000 | 11.000 | 11.000 |  |
| Nhà Văn hóa xã Thái Mỹ | 11.574 | 11.574 | 11.574 | 11.574 |  |
| NVH cụm An Nhơn Tây | 7.983 | 7.983 | 7.983 | 7.983 |  |
| Huyện Hóc Môn | 54.967 | 54.967 | 54.967 | 54.967 |  |
| CLB TDTT huyện Hóc Môn | 1.136 | 1.136 | 1.136 | 1.136 |  |
| CLB VH-TDTT Xuân Thới Thượng | 12.223 | 12.223 | 12.223 | 12.223 |  |
| Sân bóng đá Thới Tứ | 23.652 | 23.652 | 23.652 | 23.652 |  |
| Sân bóng đá Tân Xuân | 7.856 | 7.856 | 7.856 | 7.856 |  |
| Sân bóng đá Đông Thạnh | 10.100 | 10.100 | 10.100 | 10.100 |  |
| Huyện Nhà Bè |  |  | 40.000 | 40.000 |  |
| Trung tâm TDTT huyện Nhà Bè (ấp 1 xã Phú Xuân) |  |  | 40.000 | 40.000 |  |

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG CÓ HỒ BƠI (ĐẾN NĂM 2017)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Quận, huyện** | **Cấp học** | **Loại hình** | | **Diện tích hồ bơi ĐVT: m2** | **Tính chất hồ bơi** | | **Ghi chú** |
| **Công lập** | **Ngoài công lập** |  | **Xây kiên cố** | **Hồ bơi lắp ghép, tạm** |  |
| 1 | Chuyên Biệt Bình Minh | Quận Tân Phú | GDCB | x |  | 48 | x |  | Dùng chơi nước cho trẻ chuyên biệt sâu từ 0,5 -> 0,8m |
| 2 | THPT Thủ Thiêm | Quận 2 | THPT | X |  | 275 | x |  |  |
| 3 | MN Nguyễn Tất Thành | Quận 4 | MN | x |  | 110 | x |  | Ngoài trời |
| 4 | MN Sao Mai 12 | Quận 4 | MN | x |  | 45 | x |  | Trong sảnh |
| 5 | MN Vàng Anh | Quận 5 | MN | x |  | 60 | x |  |  |
| 6 | MN Họa Mi 2 | Quận 5 | MN | x |  | 17 | x |  |  |
| 7 | MN Rạng Đông Quận 6 | Quận 6 | MN | x |  | 32 | x |  |  |
| 8 | MN Rạng Đông 11A | Quận 6 | MN | x |  | 60 | x |  | Dạy bơi cho trẻ MN |
| 9 | MN Tuổi Ngọc | Quận 8 | MN | x |  | 60 | x |  |  |
| 10 | MN Hoàng Mai 3 | Quận 8 | MN |  | x | 100 | x |  |  |
| 11 | MN Hoa Mai 2 | Quận 12 | MN |  | x | 24 | x |  | Dạy bơi cho trẻ MN |
| 12 | MN Quận | Quận Tân Bình | MN | x |  | 48 | x |  |  |
| 13 | MN 11 | Quận Tân Bình | MN | x |  | 45 | x |  |  |
| 14 | MN Tuổi Xanh | Quận Tân Bình | MN | x |  | 40 | x |  |  |
| 15 | MN Minh Quang | Quận Tân Bình | MN |  | x | 48 | x |  |  |
| 16 | MN Nhiêu Lộc | Tân Phú | MN | x |  | 24 |  | X | Dùng chơi nước sâu 0.5m, vật liệu nhựa lắp ghép. |
| 17 | MN 27 | Bình Thạnh | MN | x |  | 40 | x |  |  |
| 18 | MN Sơn Ca 4 | Phú Nhuận | MN | x |  | 30 | x |  | Chỉ cho các em làm quen với nước ở mức nước 20 cm |
| 19 | MG Hương Sen | Phú Nhuận | MN | x |  | 40 | x |  | Có tổ chức cho các em học bơi |
| 20 | Mẫu giáo Sơn Ca 5 | Phú Nhuận | MN |  | x | 6 |  | x | Chỉ cho các em làm quen với nước ở mức nước 20 cm (vật liệu composite) |
| 21 | Mầm non Hương Sen | Bình Tân | MN | x |  | 119 | x |  | Dùng cho học sinh mầm non |
| 22 | MN Tân Thông Hội 2 | Củ Chi | MN | x |  | 480 | x |  | Hồ xây nổi, hình chữ nhật, lát gạch men, độ sâu: 0,3 - 0,7m |
| 23 | MN Phạm Văn Cội 1 | Củ Chi | MN | x |  | 252 | x |  | hồ xây nổi, hình ovoan, lát gạch men, độ sâu: 0,4 - 0,9m |
| 24 | MN 30/4 | Huyện Bình Chánh | MN | x |  | 60 | x |  | Hồ bơi trẻ em hình hạt đậu phụng |
| 25 | MN Bình Minh | Cần Giờ | MN |  | x | 70 | x |  |  |
| 26 | TH Nguyễn Văn Trỗi | Quận 4 | TiH | x |  | 96 | x |  | Trong tầng hầm |
| 27 | TH Chu Văn An | Bình Thạnh | TH | x |  | 100 | x |  |  |
| 28 | TH Hoàng Diệu | Quận Thủ Đức | TH | x |  | 300 | X |  | Phổ cập bơi |
| 29 | TH Hòa Phú | Củ Chi | TH | x |  | 160 | x |  | hồ xây nổi, hình chữ nhật, lát gạch men, độ sâu: 0,4 - 0,9m |
| 30 | TH Tân Thông | Củ Chi | TH | x |  | 645 | x |  | hồ xây nổi, hình chữ nhật, lát gạch men, độ sâu: 0,6 - 1,2m |
| 31 | TH Tân Kiên | Huyện Bình Chánh | TH | x |  | 50 |  | x | Hình chữ nhật cao 1,3m |
| 32 | TH Tạ Uyên | Nhà Bè | TH | x |  | 144 | x |  |  |
| 33 | Trường THCS Trần Văn Ơn | Quận 1 | THCS | X |  | 250 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn 10x25 Ngoài trời có mái che. |
| 34 | THCS Nguyễn Hữu Thọ | Quận 7 | THCS | x |  | 331 | x |  |  |
| 35 | THCS Hiệp Phước | Nhà Bè | THCS | x |  | 50 |  | x | Hồ bơi di động bằng phao |
| 36 | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | Quận 3 | THPT | x |  | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 37 | THPT chuyên NK TDTT Nguyễn Thị Định | Quận 8 | THPT | x |  | 1250 | x |  |  |
| 38 | THPT Võ Trường Toản | Quận 12 | THPT | x |  | Hồ 1: 300, Hồ 2 : 72 | x |  | Dạy bơi cho học sinh TH, THCS và THPT |
| 39 | THPT Tây Thạnh | Tân Phú | THPT | x |  | 300 | x |  |  |
| 40 | TiH,THCS,THPT Mùa Xuân | Bình Thạnh | THPT |  | x | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 41 | Tiểu học, THCS, THPT Ngôi Sao Nhỏ | Quận Bình Tân | THPT |  | x | 100 | x |  | Dùng cho học sinh mầm non, Tiểu học |
| 42 | THPT Việt Anh | Quận Bình Tân | THPT |  | x | 264 | x |  | Hồ được cải tạo và thuê của Trường Thanh thiếu niên miền nam (trực thuộc Trung ương Đoàn) |
| 43 | THPT Tân Túc | Huyện Bình Chánh | THPT | x |  | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 44 | TH-THCS-THPT Albert Einstein | Huyện Bình Chánh | THPT |  | x | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 45 | THPT Quốc tế Anh Việt | Huyện Bình Chánh | THPT |  | x | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 46 | THCS và THPT Bắc Mỹ | Huyện Bình Chánh | THPT |  | x | 135 | x |  | Hồ bơi nhỏ 9 x 15 |
| 47 | TH, THCS, THPT Ngô Thời Nhiệm | Quận 9 | THPT |  | x | 384 | x |  |  |
| 48 | THPT Trần Cao Vân | Quận Gò Vấp | THPT |  | X |  | X |  | Hồ bơi nhỏ 9 x 15 |
| 49 | TH, THCS, THPT Việt Úc | Quận Gò Vấp | TH |  | x | 105 | x |  | Hồ bơi nhỏ 7 x 15 |
| 50 | Trường Quốc Tê CANADA | Quận 7 | THPT |  | X |  | X |  |  |
| 51 | Trường THPT Tân Phú | Quận Tân Phú | THPT | X |  | 300 | X |  |  |
| 52 | Trường Năng Khiếu Thể dục Thể thao Olympic | Quận Thủ Đức | THPT | X |  | 480 |  |  | Hồ bơi đúng chuẩn. Sử dụng chung với Đại học TDTT 2. |
| 53 | Trường THPT Trương Vĩnh Ký | Quận 11 | THPT |  | X | 300 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 54 | Trường THPT Hồng Hà | Quận | THPT |  | X | 135 | X |  | Hồ bơi nhỏ 9 x 15 |
| 55 | THPT Sao Việt | Quận 7 | THPT |  | X | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 24 |
| 56 | Trường THPT Đinh Thiện Lý | Quận 7 | THPT |  | X | 300 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 57 | **Năm học 2016-2017** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 58 | Trường Quốc tế Nam Sài Gòn | Quận 7 | TH, THCS, THPT |  | X | 500 | X |  | 02 hồ bơi xây dựng kiên cố đúng chuẩn. |
| 59 | Trường Hàn Quốc tại TP.Hồ Chí Minh. | Quận 7 | TH, THCS, THPT |  | x | 300 | x |  | Hồ bơi đúng chuẩn hồ bơi nhỏ 12 x 25 |
| 60 | TH, THCS, THPT Việt Úc | Quận 7 | TH, THCS, THPT |  | x | 105 | x |  | Hồ bơi nhỏ |
| 61 | Trường TH Nguyễn Trung Ngạn | Quận 8 | TH | X |  | 50 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp tháng 12/2016; 5mx10 m |
| 62 | TH, THCS, THPT Việt Úc | Quận 10 | TH |  | x | 105 | x |  | Hồ bơi nhỏ 7 x 15 |
| 63 | TH, THCS Việt Mỹ | Quận 11 | TH-THCS |  | X | 40 | X |  | Hồ bơi nhỏ |
| 64 | Trường MN Hướng Dương | Quận Tân Phú | MN | X |  | 150 | X |  | Hồ loại xây dựng kiên cố 10 m x 15 m |
| 65 | Trường MN Anh Đào | Quận Gò Vấp | MN | X |  | 105 | X |  | Hồ loại xây dựng kiên cố 7 m x 15 m |
| 66 | Trường TH Nguyễn Văn Tây | Quận Thủ Đức | TH | X |  | 150 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 10 m x 15 m |
| 67 | Trường TH Trung An | Huyện Củ Chi | TH | X |  | 105 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 7m x 15 m |
| 68 | Trường TH An Nhơn Đông | Huyện Củ Chi | TH | X |  | 105 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 7m x 15 m |
| 69 | Trường TH Tân Thành | Huyện Củ Chi | TH | X |  | 105 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 7m x 15 m |
| 70 | Trường TH Tân Thạnh Đông | Huyện Củ Chi | TH | X |  | 105 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 7m x 15 m |
| 71 | Trường TH Bình Mỹ | Huyện Củ Chi | TH | X |  | 105 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 7m x 15 m |
| 72 | Trường TH Long Thạnh | Huyện Cần Giờ | TH | X |  | 60 |  | X | Hồ loại di động, lắp ráp 6m x 10 m |
| 73 | Trường TH, THCS, THPT Quốc Tế Mỹ | Huyện Nhà Bè | TH,THCS, THPT |  | X | 300 | X |  | Hồ Bơi đúng chuẩn |
| 74 | Trường TH, THCS Thế Giới Trẻ Em. | Huyện Bình Chánh | TH, THCS |  | X | 105 | X |  | Hồ loại di động, lắp ráp 7m x 15 m |
| 75 | Trường THPT Bình Hưng Hòa | Quận Bình Tân | THPT | X |  | 300 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn 12 x 25, chương kích cầu thông qua đầu tư của TP.- Công trình thực hiện trong năm học 2016-2017 |
| 76 | Trường THPT Trường Chinh | Quận 12 | THPT | X |  | 300 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn 12 x 25, chương kích cầu thông qua đầu tư của TP.- Công trình thực hiện trong năm học 2016-2017 |
| 77 | Trường THPT Trần Hưng Đạo | Quận Gò Vấp | THPT | X |  | 300 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn 12 x 25, chương kích cầu thông qua đầu tư của TP.- Công trình thực hiện trong năm học 2016-2017 |
| 78 | Trường THPT Tạ Quang Bửu. | Quận 8 | THPT | X |  | 300 | X |  | Hồ bơi đúng chuẩn 12 x 25, chương kích cầu thông qua đầu tư của TP.- Công trình thực hiện trong năm học 2016-2017 |